












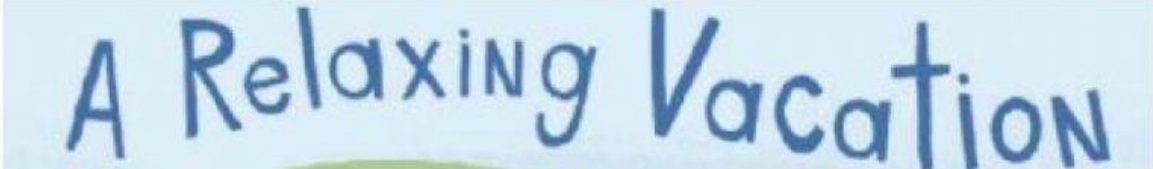


Name:

Class: 3

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (11 - 15/10/2021)

Thời gian	Nội dung học Unit 3 – Reading 1 and Grammar 1
Thứ 2 (11/10)	<p>1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo 3 lần</p> <p>Con mở “Track 1” để nghe bài.</p> <div> campsite</div> <div> blanket</div> <div> sleeping bag</div> <div> camping stove</div> <div> flashlight</div> <div> compass</div> <div> set up a tent</div> <div> make a fire</div> <div> clean up</div> <div> get lost</div>

<p>Thứ 3 (12/10)</p>	<p>1) Nghe truyện trang 40+41 – Student book.</p> <p>Con mở “Track 2” để nghe bài.</p>  <p>2) Gạch chân các động từ Quá khứ có quy tắc (-ed) ở trong truyện (cooked, stopped...)</p>
<p>Thứ 4 (13/10)</p>	<p>1) Nghe và đọc truyện trang 40+41 – Student book</p> <p>Con mở “Track 2” để nghe bài.</p>  <p>2) Luyện đọc và ghi âm đoạn 1 bài “A Relaxing Vacation” trên teams.</p>

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở “Track 3” để nghe bài.

Thứ 5
(14/10)

1

What did you do yesterday?



I walked the dog.

2

What did she do yesterday?



She picked some flowers.

3

What did he do yesterday?



He played video games.

4

What did they do yesterday?



They played on the sand.

2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở “Track 4” để nghe bài.

1



I didn't surf yesterday.

2



She didn't watch TV yesterday.

3



3. He didn't look at birds yesterday.

4



4. They didn't walk up the hill yesterday.

3) Làm phiếu số 1 trên Liveworksheet – G3-October-W2 : Reading 1

Thứ 6
(15/10)

1) Làm phiếu số 2 trên Liveworksheet – G3-October-W2: Grammar 1
2) Làm form trên teams.

~ THE END ~